

Bản án số: 55/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 13/11/2018

V/v: “Tranh chấp chia tài sản chung
và thay đổi người trực tiếp nuôi con,
cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Vũ Toàn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Hữu Thành**

2. Ông **Trịnh Văn Thái**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Song Yến** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Nữ** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2017 về việc "Tranh chấp chia tài sản chung và thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Kim C** - sinh năm 1984. Có mặt.

Địa chỉ: Khu phố 1, phường Tân An, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Người bảo vệ quyền và lợi hợp pháp cho chị **Võ Thị Kim C**: Ông **Trần Văn Đ** - Luật sư, thuộc Công ty luật TNHH MTV Bình Thuận. Có mặt.

- Bị đơn: Anh **Cao Hùng Quốc H** - sinh năm 1978. Có mặt.

Địa chỉ: Khu phố 1, phường Tân An, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Cao Văn T** - sinh năm 1950 và bà **Lê Thị V** - sinh năm 1957. Có đơn xử vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố 1, phường Tân An, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện chia tài sản chung ngày 17.4.2017, đơn khởi kiện bổ sung về thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con ngày 06.6.2017

và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã L, chị Võ Thị Kim C – nguyên đơn trình bày:

Chị Võ Thị Kim C và anh Cao Hùng Quốc H chung sống có đăng ký kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã Tân An, huyện H.T (cũ), nay là phường Tân An, thị xã L. Do sống chung chị và anh H xảy ra mâu thuẫn, nên đã ly hôn vào ngày 06.12.2016. Theo quyết định của Bản án chị C trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Cao Vy Bảo N, sinh ngày 23.11.2007; Anh Cao Hùng Quốc H trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Cao Hùng Gia B, sinh ngày 13.01.2006. Về tài sản chung chị C và anh H tự giải quyết.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị C và anh H tạo lập tài sản chung gồm: 01 căn nhà xây cấp 4 có diện tích 150 m². Căn nhà nằm trên diện tích đất 680 m² tại khu phố 1, phường Tân An, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Diện tích đất này nằm trong tổng diện tích 1.363,7 m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Cao Văn T đứng tên đăng ký; 01 diện tích đất 336 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị C và anh H đứng tên đăng ký, căn nhà hiện nay đóng cửa và anh H đang giữ chìa khóa. Về tài sản chung: Chị C yêu cầu chia đôi tài sản chung.

Về yêu cầu thay đổi nuôi con, cấp dưỡng nuôi con của chị C:

Sau khi ly hôn, cháu Cao Hùng Gia B không đồng ý sống với anh H mà sống với chị C. Anh H không gửi tiền nuôi con, chị C là người nuôi con từ đó đến nay. Chị C nuôi con chi phí mỗi tháng là 4.000.000 đồng/01 con. Để đảm bảo quyền lợi của cháu B, chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi con Cao Hùng Gia B và buộc anh Cao Hùng Quốc H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng từ ngày 06.12.2016 cho đến khi B đủ 18 tuổi.

Về nợ chung: Chị C không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, Chị C yêu cầu được sở hữu căn nhà và được quyền sử dụng diện tích đất, riêng diện tích đất 336 m² chị C giao cho anh H được quyền sử dụng, phần tài sản chênh lệch chị C sẽ thanh toán cho anh H.

Theo lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã L, anh Cao Hùng Quốc H – bị đơn trình bày:

Anh H thừa nhận giữa anh và chị C đã ly hôn vào năm 2016, khi ly hôn chị C nuôi con Cao Vy Bảo N, sinh năm 2007; Anh H nuôi con Cao Hùng Gia B, sinh năm 2006. Anh H có nói chị C giao cháu B cho anh nuôi, nhưng mỗi lần xuống thăm con chị C không cho gặp và anh cũng không thấy con. Anh H không đồng ý giao cháu B cho chị C nuôi dưỡng. Hiện nay, anh H đang làm tại thành phố Hồ Chí Minh, anh dự kiến cho cháu học hết năm nay và để cháu sống với ông bà nội, nhờ ông bà hỗ trợ, chăm sóc cho cháu rồi cuối tuần anh về thăm con. Sau đó, anh H sẽ đưa con vào thành phố Hồ Chí Minh ở với anh. Về tài sản: Anh H thừa nhận tài sản chung của anh và chị C gồm: 01 diện tích đất do vợ chồng đứng tên và 01 căn nhà xây cấp 4 do ba mẹ anh đứng tên. Tất cả tài sản trên do anh H lao động mà có. Anh H chấp nhận chia đôi số tài sản chung

cho chị C với điều kiện chị C phải giao con Cao Hùng Gia B cho anh nuôi. Nếu Tòa chấp nhận yêu cầu thay đổi nuôi con của chị C thì anh H đồng ý, anh H sẽ cấp dưỡng cho cháu B mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, anh H không đồng ý chia cho chị C căn nhà gắn liền diện tích đất và không đồng ý giao cho chị C nuôi con Cao Hùng Gia B, anh H cũng không đồng ý mức cấp dưỡng như chị C yêu cầu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Cao Văn T trình bày: Ông Cao Văn T là cha ruột của anh Cao Hùng Quốc H. Ông T thừa nhận khi chị C và anh H kết hôn có về sống chung tại nhà ông một thời gian. Cách đây gần 04 năm, vợ chồng ông và C, H cùng mua lô đất giá hơn 400.000.000 đồng. Trên đất có sẵn căn nhà, vợ chồng ông cho C, H ở. Ông T thừa nhận căn nhà xây cấp 4 có diện tích 155 m² theo chị C trình bày là tài sản chung của C H, còn diện tích đất vợ chồng ông đã chia cho C, H lô chính giữa chiều ngang 11m, chiều dài không biết bao nhiêu mét. Hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn còn đứng tên ông. Tài sản nào của chung C, H thì Tòa án cứ phân chia, ông không can thiệp.

Tại phiên tòa, ông T và bà V có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Trần Văn Đ phát biểu: Tại phiên tòa, anh H chị C thừa nhận căn nhà xây cấp 4 có diện tích 135,7 m² gắn liền diện tích đất 560 m² là tài sản chung của anh chị, cũng như lời khai của ông Cao Văn T thừa nhận căn nhà và diện tích đất này là tài sản chung của anh H chị C. Hiện nay, chị C và hai con đang ở nhà thuê, căn nhà này hiện anh H đã khóa cửa. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của chị C và hai con nên đề nghị Hội đồng xét xử chia cho chị C được quyền sở hữu và sử dụng căn nhà gắn liền diện tích đất; Chia cho anh H được quyền sử dụng thửa đất 336 m², phần tài sản chênh lệch chị C sẽ thanh toán 1/2 giá trị cho anh H.

Đối với yêu cầu thay đổi và cấp dưỡng nuôi con của chị C: Kể từ thời điểm sau khi anh H chị C ly hôn, thì chị C là người trực tiếp nuôi con, anh H không hề cấp dưỡng tiền cho chị nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của con, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C về thay đổi nuôi con và cấp dưỡng với mức 4.000.000 đồng/tháng kể từ thời điểm ngày 06.12.2016 đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo pháp luật tố tụng; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Về thời hạn giải quyết vụ án là vi phạm.

Về nội dung:

- Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phân chia tài sản chung: Chia cho chị C được quyền sở hữu căn nhà và quyền sử dụng đất 560 m², chia cho anh H được quyền sử dụng diện tích đất 336 m², chị C thanh toán phần giá trị tài sản chênh lệch cho anh H. Về thay đổi nuôi con của chị C có căn cứ để chấp nhận: Giao cho chị C được trực tiếp nuôi con Cao Hùng Gia B, sinh ngày 13.01.2006. Buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, kể từ thời điểm xét xử cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

- Về án phí: Chị C và anh H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về chia tài sản và chi phí thẩm định, định giá tài sản theo quy định của pháp luật. Chị C còn phải chịu án phí về thay đổi nuôi con, anh H còn phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Xét yêu cầu chia tài sản và thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn của chị Võ Thị Kim C là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Theo quy định tại khoản 1, 3, 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L.

Về tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Văn T và bà Lê Thị V có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tài sản: Xét yêu cầu chia tài sản của chị C, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào biên bản thẩm định tài sản ngày 23.8.2018 và biên bản định giá ngày 26.10.2018, tài sản chung của chị C và anh H gồm có: 01 căn nhà xây 4A có diện tích 135,7 m², có kết cấu: nền gạch bông, tường xây gạch ống, phòng khách trần thạch cao, còn lại lợp tôn lạnh, mái lợp tôn xi măng, năm xây 1989. Năm 2011 mua lại, năm 2012 sửa lại có dán gạch ốp tường và xây mới nhà tắm và nhà vệ sinh, tọa lạc tại khu phố 1, phường Tân An, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, trị giá căn nhà 257.830.000 đồng và 01 chái tạm bên hông nhà sau có diện tích 15,3 m², có kết cấu: cây gỗ, mái lợp tôn xi măng; Căn nhà nằm trên diện tích đất 560 m² (trong đó có 151,2 m² đất ở và 408,8 m² đất trồng cây hàng năm) nằm trong diện tích đất 1.363,7 m² thuộc thửa đất số 335, tờ bản đồ số 5 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 608594/14.4.2016 do ông Cao Văn T đứng tên đăng ký, trị giá diện tích đất 952.000.000 đồng. Thửa đất có vị trí tứ cận như sau: Phía Đông giáp đường Lý Thường K, phía Tây giáp đất ông Cao Văn T, phía Nam giáp đất và nhà ông Cao Văn T, phía Bắc giáp đất ông Cao Văn T; 01 diện tích đất 336 m², thuộc thửa đất số 63a, tờ bản đồ số 01 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 650060/17.8.2010 do ông Cao Hùng Quốc H và bà Võ Thị Kim C đứng tên đăng ký, trị giá diện tích đất 395.780.000 đồng. Thửa đất có vị trí tứ cận như

sau: Phía Đông giáp đất bà Đinh Thị A và đất ông Nguyễn Văn H, phía Tây giáp đường Bùi Thị X, phía Nam giáp đất và nhà ông Nguyễn Văn H, phía Bắc giáp nhà và đất ông Cao Xuân C. Tổng cộng tài sản là 1.605.610.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị C và anh H có tài sản chung là căn nhà xây cấp 4A có diện tích 135,7 m². Căn nhà nằm trên diện tích đất 560 m² (trong đó có 151,2 m² đất ở và 408,8 m² đất trồng cây hàng năm) nằm trong diện tích đất 1.363,7 m² thuộc thửa đất số 335, tờ bản đồ số 5 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 608594/14.4.2016 do ông Cao Văn T đứng tên đăng ký. Quá trình giải quyết, ông Cao Văn T trình bày: Năm 2011 vợ chồng ông và vợ chồng C, H có hùn chung để mua lại diện tích đất này, trên đất có sẵn căn nhà, ông T bà V cho anh H chị C ở trong căn nhà này và chia diện tích đất cho C H là chiều ngang 11m. Chị C, anh H và ông Cao Văn T đều thừa nhận căn nhà và diện tích đất này là tài sản chung của chị C và anh H. Vậy, thời điểm chị C anh H được ông T bà V cho ở trong căn nhà này vào năm 2011 là thời kỳ thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, còn diện tích đất được cấp giấy chứng nhận vào năm 2016 là thời kỳ thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đối với diện tích đất 336 m² được cấp giấy chứng nhận vào năm 2010, là thời kỳ thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, chị C có nguyện vọng được sở hữu căn nhà và sử dụng diện tích đất gắn liền căn nhà để có chỗ ở ổn định cho chị và các con; Chị C đồng ý chia cho anh H được quyền sử dụng diện tích đất 336 m², phần tài sản chênh lệch chị C thanh toán 1/2 giá trị tài sản cho anh H. Mặc dù tại phiên tòa, anh H không đồng ý giao cho chị C được quyền sở hữu căn nhà và quyền sử dụng diện tích đất gắn liền căn nhà. Nhưng xét thấy, hiện nay chị C và 02 con đang ở nhà thuê, căn nhà hiện nay không ai ở và do anh H khóa cửa, nên yêu cầu chia tài sản của chị C là phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ để chấp nhận, chia cho chị Võ Thị Kim C: được quyền sở hữu 01 căn nhà xây 4A có diện tích 135,7 m² và 01 chái tam bên hông nhà sau có diện tích 15,3 m², trị giá căn nhà 257.830.000 đồng và chị C được quyền sử dụng diện tích đất 560 m² (trong đó có 151,2 m² đất ở và 408,8 m² đất trồng cây hàng năm) nằm trong diện tích đất 1.363,7 m² thuộc thửa đất số 335, tờ bản đồ số 5 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 608594/14.4.2016 do ông Cao Văn T đứng tên đăng ký, trị giá diện tích đất 952.000.000 đồng; Chia cho anh Cao Hùng Quốc H được quyền sử dụng diện tích đất 336 m², thuộc thửa đất số 63a, tờ bản đồ số 01 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 650060/17.8.2010 do ông Cao Hùng Quốc H và bà Võ Thị Kim C đứng tên đăng ký, trị giá diện tích đất 395.780.000 đồng. Chị Võ Thị Kim C phải thanh toán 1/2 giá trị tài sản chênh lệch cho anh Cao Hùng Quốc H số tiền 407.025.000 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện bổ sung của chị Võ Thị Kim C về thay đổi nuôi con là Cao Hùng Gia B, sinh ngày 13.01.2016 và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng từ thời điểm ngày 06.12.2016 đến khi con đủ 18 tuổi. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, anh H không đồng ý giao con cho chị C nuôi và không đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng như chị C yêu cầu. Anh H trình bày: Nếu chị C nhận tài sản là thửa đất có diện tích 336 m² và về ở thì anh H đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ thời điểm chị C anh H ly hôn, thì về con chung mỗi

người trực tiếp nuôi một con, nhưng kể từ khi anh chị ly hôn đến nay, chị C là người trực tiếp nuôi hai con, anh H thì sống và làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh và theo nguyện vọng của cháu Cao Hùng Gia B thì xin được ở với mẹ. Xét thấy, chị C vẫn đảm bảo được việc nuôi con, nên yêu cầu thay đổi nuôi con của chị C là có căn cứ để chấp nhận. Xét yêu cầu của chị C về mức cấp dưỡng thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại thời điểm sau khi ly hôn, chị C là người trực tiếp nuôi hai con, nhưng theo quyết định của Bản án thì mỗi người nuôi một con và tại thời điểm nuôi con, chị C không hề có đơn yêu cầu Tòa giải quyết việc thay đổi nuôi con cũng như việc cấp dưỡng. Vì vậy, yêu cầu của chị C về cấp dưỡng nuôi con tính từ mốc thời điểm ngày 06.12.2016 là không có căn cứ chấp nhận, mà Hội đồng xét xử chỉ xét tại thời điểm xét xử cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[3] Về án phí: Chị Võ Thị Kim C và anh Cao Hùng Quốc H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về chia tài sản, chị C còn phải chịu án phí về thay đổi nuôi con, anh H còn phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và chi phí thẩm định, định giá tài sản theo quy định tại Điều 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1, 2 Điều 21; khoản 1, 3, 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 157, 165; khoản 1 Điều 228, Điều 262; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1, 2 Điều 27, Điều 95, 97 và Điều 98 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Khoản 1, 2 Điều 33, Điều 54, 59, 61, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị Kim C về phân chia tài sản chung:

Chia cho chị Võ Thị Kim C: được quyền sở hữu 01 căn nhà xây 4A có diện tích 135,7 m², có kết cấu: nền gạch bông, tường xây gạch ống, phòng khách trần thạch cao, còn lại lớp tôn lạnh, mái lợp tôn xi măng tọa lạc tại khu phố 1, phường Tân An, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, trị giá căn nhà 257.830.000 đồng và 01 chái tạm bên hông nhà sau có diện tích 15,3 m², có kết cấu: cây gỗ, mái lợp tôn xi măng và chị C được quyền sử dụng diện tích đất 560 m² (trong đó có 151,2 m² đất ở và 408,8 m² đất trồng cây hàng năm) nằm trong diện tích đất 1.363,7 m² thuộc thửa đất số 335, tờ bản đồ số 5 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 608594/14.4.2016 do ông Cao Văn T đứng tên đăng ký, trị giá diện tích đất

952.000.000 đồng, thửa đất có vị trí tứ cận như sau: Phía Đông giáp đường Lý Thường Kiệt, phía Tây giáp đất ông Cao Văn T, phía Nam giáp đất và nhà ông Cao Văn T, phía Bắc giáp đất ông Cao Văn T.

Chia cho anh Cao Hùng Quốc H được quyền sử dụng diện tích đất 336 m², thuộc thửa đất số 63a, tờ bản đồ số 01 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 650060/17.8.2010 do ông Cao Hùng Quốc H và bà Võ Thị Kim C đứng tên đăng ký, trị giá diện tích đất 395.780.000 đồng, thửa đất có vị trí tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất bà Đinh Thị A và ông Nguyễn Văn H, phía Tây giáp đường Bùi Thị X, phía Nam giáp đất và nhà ông Nguyễn Văn H, phía Bắc giáp nhà và đất ông Cao Xuân C.

Buộc chị Võ Thị Kim C phải thanh toán 1/2 giá trị tài sản chênh lệch cho anh Cao Hùng Quốc H số tiền 407.025.000 đồng.

Buộc ông Cao Văn T phải giao cho chị Võ Thị Kim C bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 608594/14.4.2016 do ông Cao Văn T đứng tên đăng ký, để làm thủ tục tách thửa đối với diện tích đất được chia, tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị Kim C về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn:

Chia cho chị Võ Thị Kim C được trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Cao Hùng Gia B, sinh ngày 13.01.2006. Buộc anh Cao Hùng Quốc H phải cấp dưỡng nuôi con Cao Hùng Gia B, sinh ngày 13.01.2006 mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ ngày xét xử 13.11.2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Cao Hùng Quốc H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về án phí:

Chị Võ Thị Kim C phải chịu 36.084.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về chia tài sản và 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về thay đổi nuôi con. Nhưng chị C được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.625.000 đồng theo biên lai số 0010284 ngày 12 tháng 5 năm 2017 và 300.000 đồng theo biên lai số 0010353 ngày 16 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L. Chị Võ Thị Kim C còn phải nộp 33.159.000 đồng án phí.

Anh Cao Hùng Quốc H phải chịu 36.084.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về chia tài sản và 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con. Tổng số tiền án phí anh H phải nộp là 36.384.000 đồng.

4. Về chi phí thẩm định và định giá tài sản:

Chị Võ Thị Kim C và anh Cao Hùng Quốc H mỗi người phải chịu 1.050.000 đồng chi phí thẩm định và định giá tài sản. Nhưng chị C đã thanh toán

cho Hội đồng đủ số tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản là 2.100.000 đồng, buộc anh Cao Hùng Quốc H phải hoàn trả cho chị C số tiền 1.050.000 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn, báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13/11/2018). Riêng ông Cao Văn T và bà Lê Thị V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- Chi cục THADS thị xã L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Vũ Toàn

